

# **DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC và TỰ NHÂN HÓA DNNN**

---

**Kinh tế học khu vực công  
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright**

1

## **Nội dung trình bày**

---

- ❑ Vai trò và kết quả hoạt động của DNNN ở Việt Nam
- ❑ Thảo luận về cổ phần hóa ở Việt Nam
- ❑ Thảo luận về đề án tái cấu trúc DNNN

2

## Vai trò của doanh nghiệp nhà nước

- Cơ sở tồn tại của doanh nghiệp nhà nước
  - Cơ sở kinh tế
  - Cơ sở chính trị
- Quan điểm về vai trò của DNNN
  - Quan điểm kinh tế: Sửa chữa thất bại thị trường
  - Quan điểm chính trị: Vai trò chủ đạo
- Phạm vi hoạt động của DNNN
  - Tùy thuộc vào quan điểm về vai trò của DNNN

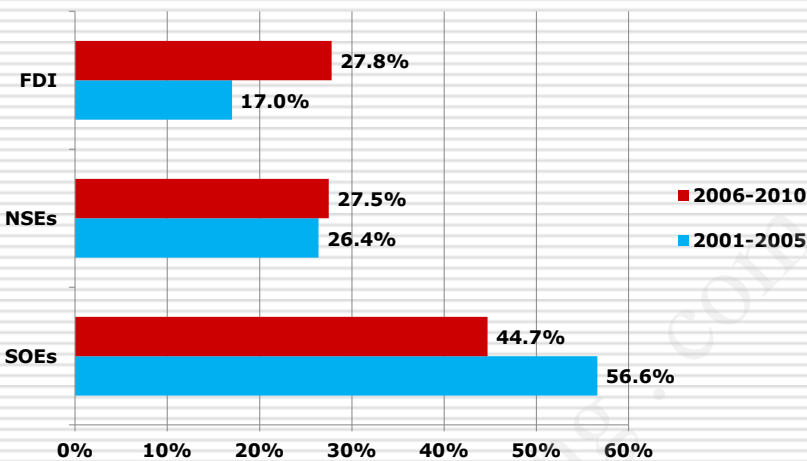
3

## Kết quả hoạt động của DNNN ở Việt Nam

	DNNN		DN dân doanh		FDI	
	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10
<b>Sử dụng nguồn lực</b>						
Vốn đầu tư	56,6	44,6	26,4	27,7	17,0	27,8
Tín dụng	36,6	30,9	-	-	-	-
<b>Đóng góp cho nền kinh tế</b>						
Ngân sách (ngoài dầu)	19,6	17,0	6,7	9,8	6,6	10,3
Việc làm	43,5	24,1	40,1	53,7	16,3	22,3
Việc làm mới	-4,1	-22,0	74,1	88,1	30	33,9
GDP	30,0	27,8	46,7	46,1	14,6	17,9
Tăng trưởng GDP	32,9	19,0	44,6	54,2	14,5	17,4
GTSXCN	28,9	20,1	28,3	35,4	42,7	44,5
Tăng trưởng GTSXCN	28,5	7,9	34,0	45,8	37,4	46,3

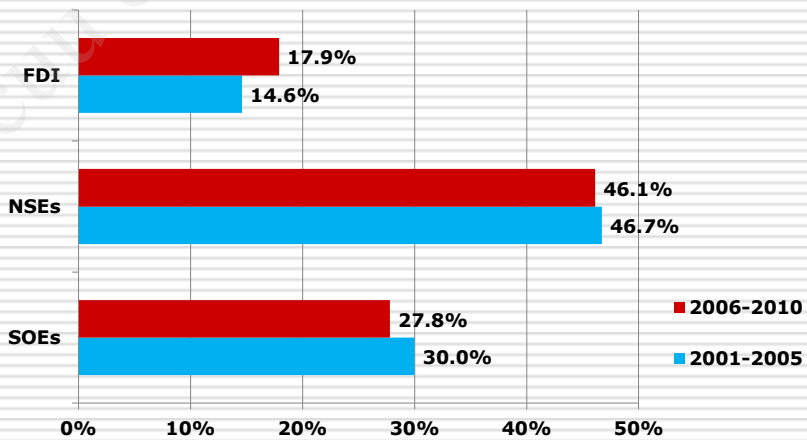
*Nguồn:* Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Quỹ Tiền tệ Quốc tế  
*Ghi chú:* Số liệu 2010 là ước tính. Số liệu việc làm là của giai đoạn 2001-05 và 2006-09.

# Tỷ trọng vốn đầu tư (%)



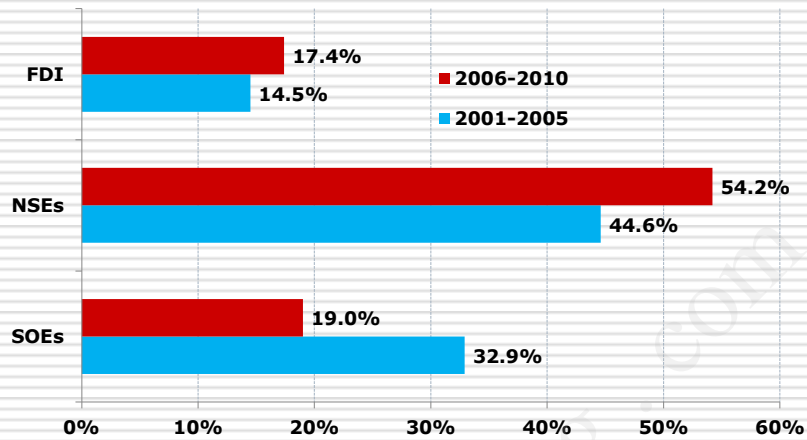
5

# Đóng góp cho GDP (%)



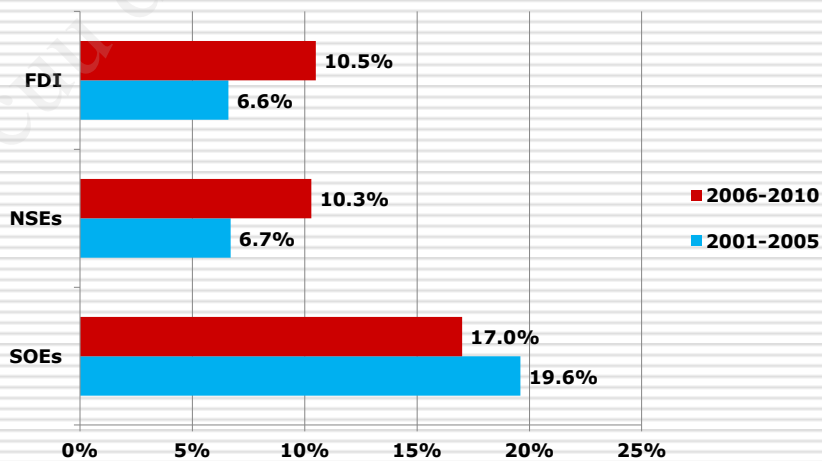
6

## Đóng góp cho tăng trưởng GDP (%)



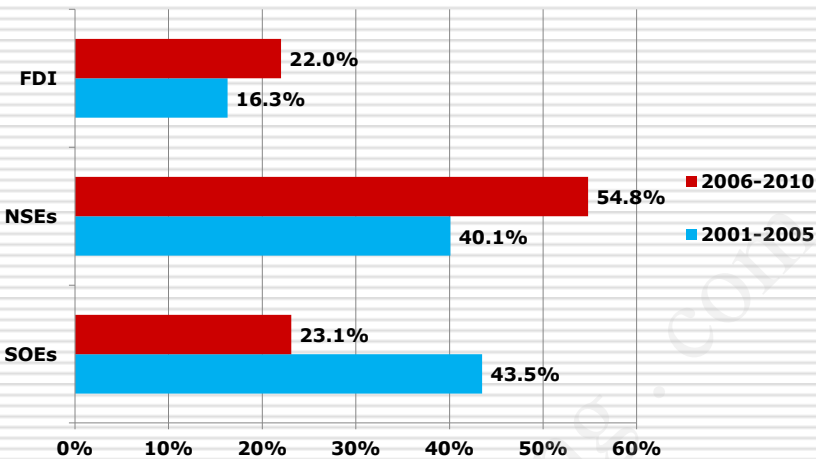
7

## Đóng góp cho ngân sách (trừ dầu, %)



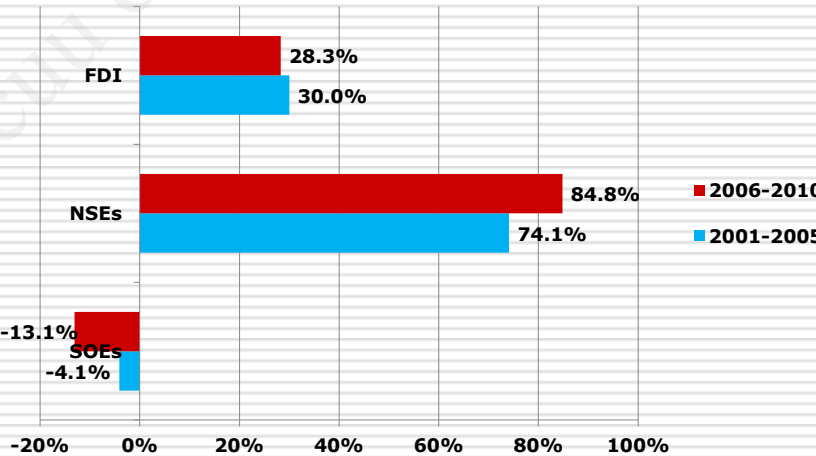
8

# Tỷ trọng lao động (%)



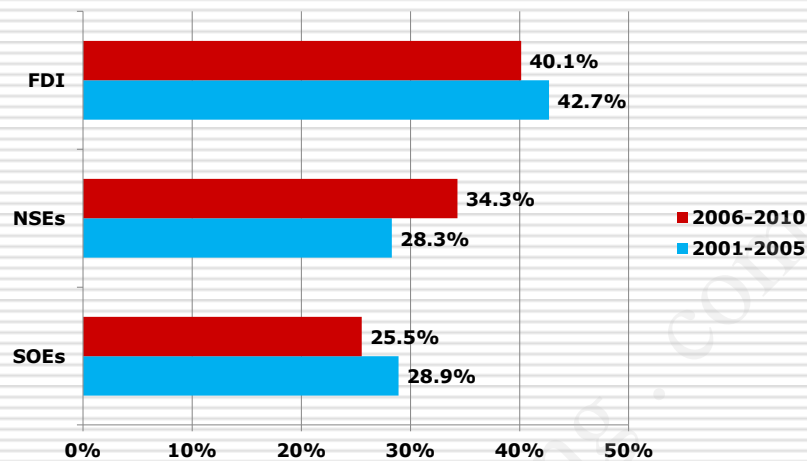
9

# Tỷ lệ việc làm mới tạo ra (%)



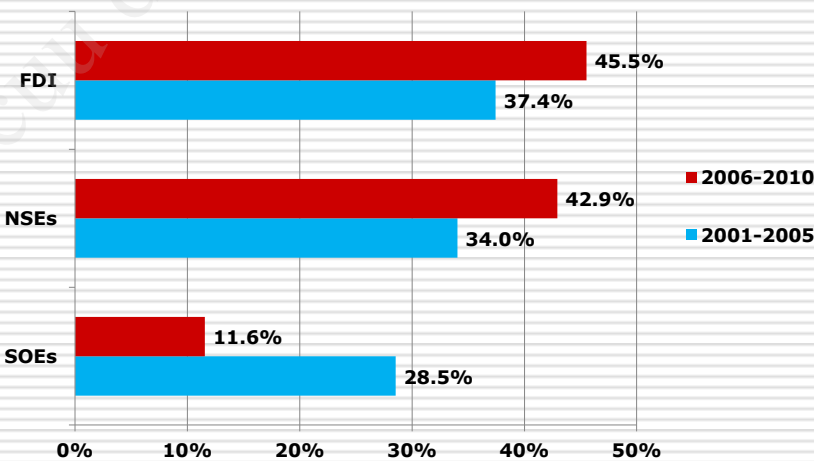
10

## Tỷ trọng GTSX công nghiệp (%)



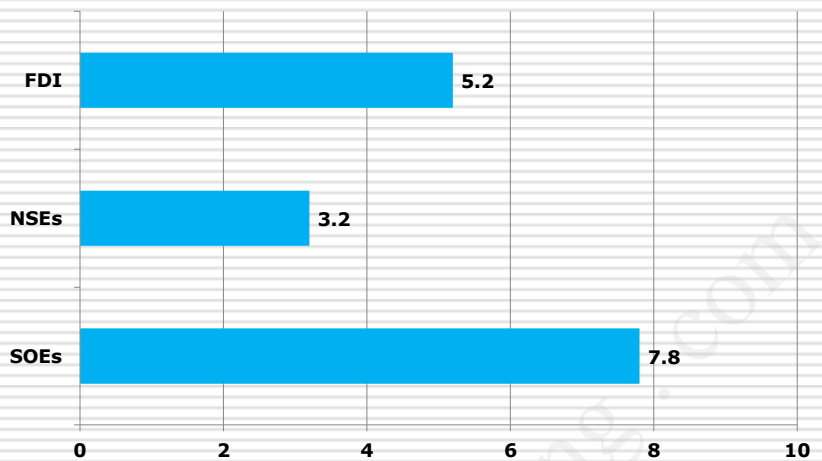
11

## Đóng góp cho tăng trưởng GTSXCN (%)



12

## ICOR của 3 khu vực kinh tế (2000-2007)



13

## Mô hình tập đoàn nhà nước ở Việt Nam

- ❑ Bắt đầu thí điểm từ 2005 với Tập đoàn Dệt may, TĐ Bưu chính viễn thông, TĐ Than và khoáng sản.
- ❑ Chưa đánh giá đã nhân rộng ra 12 tập đoàn
- ❑ Một số “nghịch lý” trong chính sách:
  - Tích tụ sv. phân tán (cổ phần hóa)
  - Độc quyền sv. tự do hóa và tăng cường cạnh tranh
  - Chuyên sâu sv. đa dạng hóa (đa ngành)
  - Tập trung nguồn lực sv. phát triển DN dân doanh
  - Bảo hộ sv. gia nhập WTO

14

## Các tập đoàn kinh tế nhà nước

Tên tập đoàn	Năm thành lập	Tổng tài sản (tỷ VNĐ) Báo cáo hợp nhất, 31/12/2010
1. Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2005	15.884
2. Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam	2005	82.883
3. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	2005	111.416
4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2006	466.060
5. Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2006	301.951
6. Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	2006	na
7. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	2006	37.442
8. Tập đoàn Bảo hiểm Bảo Việt	2007	45.124
9. Tập đoàn Viễn thông Quân đội	2009	55.746
10. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	2009	31.469
11. Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam	2010	76.764
12. Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam	2010	8.009 (*)

(\*) Số liệu năm 2009, công ty mẹ

Nguồn: Tổng hợp của CIEM tại Toạ đàm “Tổng kết thí điểm hình thành tập đoàn kinh tế nhà nước” do CIEM tổ chức tháng 9/2011.

15

## Giai đoạn và đặc điểm CPH ở Việt Nam

- ❑ GD 1 (6/1992-4/1996): CPH tự nguyện
- ❑ GD 2 (5/1996-5/1998): Mở rộng thí điểm
- ❑ GD 3 (6/1996 – 5/2002): Tăng tốc CPH
- ❑ GD 4 (6/2002 – 2008): Tiếp tục CPH
- ❑ GD 5: 2009 – nay: CPH chậm hẳn lại

- ❑ CPH tiệm tiến
- ❑ CPH từng phần
- ❑ CPH nội bộ
- ❑ CPH dưới giá (nhất là khi chưa áp dụng đấu giá)
- ❑ CPH chưa tác động đáng kể đến cấu trúc sở hữu
- ❑ Kết quả kinh doanh sau khi CPH có vẻ tích cực

16



# Tác động của cổ phần hoá

	Thước đo hiệu quả	Thay đổi kỳ vọng
Tỷ suất lợi nhuận	ROA, ROS, ROE	+
Năng suất	Doanh số thực/Số lao động; Lợi nhuận trước thuế/Số lao động	+
Sản xuất	Doanh số thực	+
Đòn bẩy nợ	Nợ/tổng tài sản nợ	-
Lao động	Số lao động	-
Thu nhập của người lao động	Thu nhập hàng năm	+

17

# Dữ liệu

Mẫu nghiên cứu	450 doanh nghiệp
Giai đoạn	2000 - 2004
Loại dữ liệu	Bảng câu hỏi nghiên cứu tài chính; cấu trúc và tính chất chủ sở hữu
Nguồn	CIEM, GSO, tự tổng hợp

18

## Phương pháp

- ❑ Phương pháp Megginson, Nash và Van Randenborgh (1994) :
  - So sánh hiệu quả tài chính và hoạt động trước và sau cổ phần hoá
  - Kiểm định Wilcoxon và các kiểm định tỷ lệ
- ❑ Phương pháp DID – Sai biệt trong sai biệt
  - Xây dựng mẫu đối sánh
  - Kiểm định Wilcoxon và Mann-Whitney

19

## Kết quả nghiên cứu

	Tỷ suất lợi nhuận	Năng suất	Tỷ lệ nợ	Lao động	Lợi ích xã hội
<b>Cổ phần hoá</b>	+	+	+	-	+
Doanh nghiệp lớn	<<	<<	(<<)	<<	<<
DN nhỏ	>>	>>	(>>)	>>	>>
Nhà nước nắm trên 30% vốn	<<	<<	>>	<<	<<
Nhà nước nắm ít hơn 30% vốn	>>	>>	<<	>>	>>
Lãnh đạo cũ	<<	>>	>>	<<	<<
Lãnh đạo mới	>>	<<	<<	>>	>>
DN không xuất khẩu	<<	<<	<<	<<	=
DN có xuất khẩu	>>	>>	>>	>>	=
DN ở ngoại tỉnh	<<	<<	<<	<<	<<
DN ở thành phố lớn	>>	>>	>>	>>	>>

## **Tái cơ cấu khu vực DNNN**

---

- Hai đề án tái cơ cấu
  - Bộ Tài chính
  - Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển DN
- Thảo luận về đề án của Bộ Tài chính
  - Cách tiếp cận
  - Quan điểm
  - Một số nguyên tắc cần được bổ sung
  - Một số chính sách cụ thể cần thực hiện